

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/DS-ST
Ngày: 13 - 9 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Linh

Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị O, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị O: Bà Phạm Thị Thúy D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy D trình bày: Vào năm 2016, bà Lê Thị O có hợp đồng mua bán thức ăn, vôi, thuốc nuôi tôm cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn T. Khi

mua bán có lập hợp đồng bằng văn bản, mở sổ theo dõi với nhau. Theo hợp đồng sau khi thu hoạch tôm thì bà T và ông T sẽ trả đủ tiền cho bà O 01 lần. Nếu bà T và ông T không trả hoặc trả không đủ 01 lần thì số tiền nợ còn lại bà O, ông T và bà T thỏa thuận phải chịu lãi với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến ngày 16/5/2020 hai bên có tổng kết nợ trên sổ mua bán, bà T và ông T thừa nhận còn nợ bà O số tiền là 1.584.450.000 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng bà T và ông T không trả tiền cho bà O.

Nay người đại diện hợp pháp cho bà Lê Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T và ông Trần Văn T phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà O số tiền mua thức ăn, vôi, thuốc nuôi tôm trong đó tiền gốc là 1.584.450.000 đồng, và tiền lãi 01%/tháng kể từ ngày 17/5/2020 đến ngày Tòa án xét xử, yêu cầu bà T và ông T trả đủ 01 lần trong thời gian 30 ngày và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 01%/tháng cho đến khi bà T và ông T thanh toán xong số tiền.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Văn T và bà Trần Thị T thống nhất trình bày: Vào năm 2016, bà Lê Thị O có hợp đồng mua bán thức ăn, vôi, thuốc nuôi tôm cho ông T và bà T. Khi mua bán có lập hợp đồng bằng văn bản, mở sổ theo dõi với nhau. Theo hợp đồng sau khi thu hoạch tôm thì ông T và bà T sẽ trả đủ tiền cho bà O 01 lần. Nếu ông T và bà T không trả hoặc trả không đủ 01 lần thì số tiền nợ còn lại ông T, bà T và bà O thỏa thuận phải chịu lãi với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến ngày 16/5/2020 hai bên có tổng kết nợ trên sổ mua bán, ông T và bà T còn nợ bà O số tiền là 1.584.450.000 đồng, nhưng ông T và bà T không có tiền trả cho bà O. Ông T, bà T thừa nhận còn nợ bà O số tiền gốc 1.584.450.000 đồng; đối với số tiền lãi ông T, bà T không thống nhất hoàn trả cho bà O, ông T, bà T yêu cầu bà O chiết khấu số tiền thức ăn và thuốc thủy sản trong suốt quá trình nuôi số tiền gốc là 584.450.000 đồng cho ông T và bà T, hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên ông T, bà T xin bà O cho ông, bà xin hẹn khi nào nuôi tôm có lãi sẽ trả đủ cho bà O.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/01/2021, bà Lê Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị T cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn. Tòa án tiến hành lấy lời khai ông T, bà T thống nhất xác định là có việc ông T, bà T mua thức ăn, vôi, thuốc nuôi tôm của bà Lê Thị O và còn nợ lại số tiền gốc là 1.584.450.000 đồng, ông T, bà T thống nhất hoàn trả cho bà O số tiền gốc là 1.584.450.000 đồng (*một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên ông T và bà T xin bà O cho ông T và bà T trả dần khi nuôi tôm có lãi, trả đến khi nào hết nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[3] Theo trình bày của người đại diện hợp pháp nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy D khi hai bên tiến hành hợp đồng mua bán thức ăn, vôi và thuốc nuôi tôm thì thỏa thuận khi thu hoạch tôm sẽ trả tiền. Khi mua bán nguyên đơn bà Lê Thị O đã giao đủ thức ăn, vôi và thuốc nuôi tôm cho bị đơn và bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị T đã nhận xong nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị T phải trả tiền mua thức ăn, vôi, thuốc nuôi tôm của bà O là 1.584.450.000 đồng và tiền lãi xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, vợ chồng ông T, bà T phải liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho nguyên đơn bà Lê Thị O theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chiết khấu: Khi ký kết hợp đồng mua bán các bên thỏa thuận phía nguyên đơn đầu tư thức ăn, vôi, thuốc, hóa chất cho bị đơn đến khi thu hoạch bị đơn thanh toán đủ công nợ sẽ được chiết khấu theo thỏa thuận của hai bên với phương thức thanh toán là phía bị đơn thanh toán tiền cho nguyên đơn tất cả các khoản tiền phía bị đơn mua nhưng bị đơn chưa thanh toán đủ số tiền mua thức ăn, vôi, thuốc, hóa chất cho nguyên đơn nên không có cơ sở để thực hiện việc chiết khấu cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Khi ký kết hợp đồng mua bán các bên thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về lãi suất, bị đơn không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/01 năm nên mức lãi suất các bên thỏa thuận 01%/tháng bằng 12%/năm là phù hợp. Do vậy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trước đây không cao so với mức lãi suất quy định. Như vậy, tính từ ngày 17/5/2020 đến ngày

13/9/2021 là 01 năm 03 tháng 26 ngày như sau: 1.584.450.000 đồng x 12%/năm x 01 năm = 190.134.000 đồng; 1.584.450.000 đồng x 12%/năm/12 tháng x 03 tháng = 47.533.500 đồng; 1.584.450.000 đồng x 12%/năm/12 tháng/30 ngày x 26 ngày = 13.731.900 đồng.

[6] Đối với ý kiến của ông Trần Văn T, bà Trần Thị T xin hẹn khi nào nuôi tôm có lãi sẽ trả đủ cho bà O, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn T và bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 357, Điều 430, khoản 3 Điều 434; Điều 440, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O. Buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị T liên đới trả cho bà O số tiền là 1.584.450.000 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 251.399.400 đồng (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng). Tổng cộng là 1.835.849.400 đồng (một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày 14/9/2021 ông T, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị T phải chịu 67.075.482 đồng (sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.766.000 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006974 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng